

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM VÀ SUẤT ĂN DINH DƯỠNG AN  
PHÁT

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty
- Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM VÀ SUẤT ĂN DINH DƯỠNG AN PHÁT
- Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:
- Tên công ty viết tắt:
2. Mã số doanh nghiệp: 0110254751
3. Ngày thành lập: 17/02/2023
4. Địa chỉ trụ sở chính:
- NV10-12 khu nhà ở cho CBCS cục B42, B57- Tổng cục 5 - BCA, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: 0902208836 Fax:
- Email: Website:
5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                 | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa                                                                                   | 4610     |
| 2.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép<br>Chi tiết: Mua bán sản phẩm may mặc, quần áo thời trang;                                                                           | 4641     |
| 3.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Mua bán thiết bị điện;                                                                                                    | 4649     |
| 4.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>Chi tiết: Mua bán thiết bị ngành bưu chính viễn thông;                                                              | 4652     |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp<br>Chi tiết: Mua bán vật tư, thiết bị máy móc ngành nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y) | 4653     |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Mua bán vật tư, thiết bị máy móc ngành công nghiệp, lâm nghiệp;                                              | 4659     |
| 7.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: Tổ chức sự kiện, hội chợ triển lãm, hội nghị, hội thảo, lễ hội                                                     | 8230     |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;                                      | 8299     |
| 9.  | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dịch vụ truyền thông đa phương tiện                                                                            | 6399     |
| 10. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>Chi tiết: Dịch vụ quan hệ công chúng                                                                                                          | 7020     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                          |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 11. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Mua bán hàng nông sản, thực phẩm                                                                       | 4711        |
| 12. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Mua bán thủy, hải sản;                                                                                                                                                     | 4722        |
| 13. | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản<br>Chi tiết: Sản xuất hàng thủy, hải sản;                                                                                                                                        | 1020        |
| 14. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất hàng nông sản, lương thực, thực phẩm; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) | 1079        |
| 15. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng                                                                                                                                                 | 4932        |
| 16. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô theo hợp đồng;                                                                                                                                                    | 4933        |
| 17. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Khách sạn, khu du lịch sinh thái                                                                                                                                                                  | 5510        |
| 18. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết: Nhà hàng, dịch vụ ăn uống;                                                                                                                                                 | 5610(Chính) |
| 19. | Dịch vụ ăn uống khác<br>Chi tiết: - Sản xuất và chế biến suất ăn công nghiệp;<br>- Kinh doanh dịch vụ giải khát                                                                                                                          | 5629        |
| 20. | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết: Đại lý kinh doanh dịch vụ viễn thông, internet, thương mại điện tử                                                                                                                                | 6190        |
| 21. | Đại lý du lịch<br>Chi tiết: Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch                                                                                                                                        | 7911        |
| 22. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                        | 4101        |
| 23. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                  | 4102        |
| 24. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                 | 4221        |
| 25. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                      | 4222        |
| 26. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                       | 4223        |
| 27. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                        | 4229        |
| 28. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật, công nghiệp                                                                                                                                        | 4299        |
| 29. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Mua bán mỹ phẩm (trừ các loại mỹ phẩm gây hại cho sức khỏe con người);                                                              | 4772        |

**6. Vốn điều lệ:** 4.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 450.000

Thời gian đăng từ ngày 17/02/2023 đến ngày 19/03/2023

## 8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông     | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                      | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | LƯU NGỌC<br>NAM | Xóm lẻ, Xã Tân<br>Triều, Huyện<br>Thanh Trì, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam                           | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 299.700       | 2.997.000.000            | 66,600       | 013207888                                                                                                              |            |
|     |                 |                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                         | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                         | Tổng số                            | 299.700       | 2.997.000.000            | 66,600       |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                         |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | VŨ HUY HÀ       | 49B/667/2<br>Nguyễn Văn Cừ,<br>Phường Đức<br>Giang, Quận<br>Long Biên, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 49.500        | 495.000.000              | 11,000       | 013204210                                                                                                              |            |
|     |                 |                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                         | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                         | Tổng số                            | 49.500        | 495.000.000              | 11,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                         |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                |                                                               |                           |         |               |        |              |
|---|----------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 3 | LƯU NGỌC KHÁNH | Xóm 6, Xã Yên Mỹ, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 100.800 | 1.008.000.000 | 22,400 | 036078007892 |
|   |                |                                                               | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                               | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                               | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                               | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                               | Tổng số                   | 100.800 | 1.008.000.000 | 22,400 |              |
|   |                |                                                               |                           |         |               |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **VŨ HUY HÀ**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *27/01/1980*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *013204210*

Ngày cấp: *13/06/2009*

Nơi cấp: *Công an Hà Nội*

Địa chỉ thường trú: *49B/667/2 Nguyễn Văn Cừ, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *49B/667/2 Nguyễn Văn Cừ, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội